TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/01/2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Phú Mỹ;

2. Ông Nguyễn Duy Khánh;

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2025/TLST- HNGĐ, ngày 13/10/2025 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và Biên bản ghi lời khai nguyên đơn ông ông Phạm Thanh H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: ông H và bà H1 do quen biết, tìm hiểu nhau vào năm 2004, được gia đình chấp thuận nên có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau đến ngày 17/5/2004 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi chung sống vợ chồng có đi Đồng Nai làm ăn. Thời gian chung sống đến năm 2013 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bà H1 ghen tuông vô cớ, vợ chồng cải nhau nên ông H bỏ nhà đi. Năm 2025, ông H trở về nhà cha mẹ

ruột ở ấp T, xã T sinh sống. Bà H1 cũng trở về nhà mẹ ruột ở ấp T, xã T sinh sống. Từ khi ông H bỏ nhà đi thì vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không liên hệ, không gặp nhau hàn gắn tình cảm. Do vợ chồng sống ly thân đã lâu và ông H cũng không còn tình cảm với bà H1 nên ông Phạm Thanh H yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị H1.

- Về con chung: ông H và bà H1 chung sống có 02 con chung tên Phạm Thị Quê H2, sinh năm 1989 và Phạm Thị T, sinh năm 1991. Các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà H1 vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến.

* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn Thông báo nộp tạm ứng án phí và thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên toà Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Thanh H. Về hôn nhân: ông Phạm Thanh H được ly hôn với bà Lê Thị H1. Về con chung: Phạm Thị Quê H2 và Phạm Thị T đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: ông H trình bày không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa ông Phạm Thanh H và bà Lê Thị H1 là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về không công nhận quan hệ vợ chồng qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H1 đang cư trú tại ấp T, xã T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 được quy định tại điểm a khoản 1 Điều

35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phạm Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Lê Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà H1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Thanh H và bà Lê Thị H1 chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bà H1 ghen tuông vô cớ nên ông H bỏ nhà đi vì vậy vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không liên hệ, không hàn gắn tình cảm với nhau.

Xét thấy, thời gian vợ chồng đã sống ly thân đã lâu nhưng ông H và bà H1 không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Điều đó chứng tỏ rằng giữa ông H và bà H1 đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Thanh H được ly hôn với bà Lê Thị H1.

[3] Về con chung: ông H và bà H1 chung sống với nhau có 02 con chung tên Phạm Thị Quê H2, sinh năm 1989 và Phạm Thị T, sinh năm 1991 Các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên ông H và bà H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: ông H trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: ông H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Ông Phạm Thanh H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Luật sửa đổi một số điều Bộ luật tố tụng dân sự 2025;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Thanh H được ly hôn với bà Lê Thị H1.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Thị Quê H2, sinh ngày 07/09/1989 và Phạm Thị T, sinh ngày 30/03/1991. Các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: ông H trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: ông H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: ông Phạm Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông H đã nộp ngày 13/10/2025 theo biên lai số 0004448 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp được chuyển thành án phí ông H phải nộp.

6. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân Khu vực 8;
- Các đương sự;
- Phòng THA DS Khu vực 8;
- UBND xã Tân Phú Trung (xã Tân Bình, huyện Châu Thành): số 105 ngày 17/5/2004;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan